

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,038,766,746,993</b>	<b>785,719,874,823</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>152,969,669,038</b>	<b>128,714,275,030</b>
1. Tiền	111		42,683,296,816	128,714,275,030
2. Các khoản tương đương tiền	112		110,286,372,222	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>114,848,905,744</b>	<b>39,200,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	114,848,905,744	39,200,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>421,053,720,481</b>	<b>346,212,284,695</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	405,706,981,871	304,440,307,151
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	5,213,442,716	37,848,034,095
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	10,133,295,894	3,923,943,449
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>325,822,065,068</b>	<b>254,289,572,493</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	348,670,317,135	275,111,439,909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(22,848,252,067)	(20,821,867,416)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24,072,386,662</b>	<b>17,303,742,605</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,045,063,551	195,920,040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15,548,963,999	7,640,738,463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	530,658,754	1,535,840,479
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	6,947,700,358	7,931,243,623

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>470,334,366,252</b>	<b>433,143,921,012</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>386,923,034,683</b>	<b>354,143,603,975</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	327,688,945,846	312,661,802,264
<i>Nguyên giá</i>	222		468,136,740,152	415,526,757,562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(140,447,794,306)	(102,864,955,298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	37,928,927,742	24,503,311,419
<i>Nguyên giá</i>	228		38,776,091,540	25,131,041,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(847,163,798)	(627,729,821)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	21,305,161,095	16,978,490,292
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>60,665,242,690</b>	<b>60,665,242,690</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	60,655,242,690	60,655,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22,746,088,879</b>	<b>18,335,074,347</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	21,792,931,279	17,371,534,747
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	953,157,600	963,539,600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,509,101,113,245</b>	<b>1,218,863,795,835</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>633,714,312,772</b>	<b>603,832,177,186</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>481,281,436,434</b>	<b>458,981,584,813</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	147,300,000,000	306,486,178,450
2. Phải trả người bán	312	V.18	149,550,908,339	103,544,659,164
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	8,826,975,589	1,195,341,514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	20,514,128,855	13,998,180,564
5. Phải trả người lao động	315	V.21	24,530,175,212	20,260,469,687
6. Chi phí phải trả	316	V.22	1,105,880,043	677,969,109
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	109,353,207,554	4,137,963,977
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	20,100,160,842	8,680,822,348
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>152,432,876,338</b>	<b>144,850,592,373</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	150,760,552,693	143,822,118,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	1,672,323,645	1,028,473,680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>875,386,800,473</b>	<b>615,031,618,649</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>875,386,800,473</b>	<b>615,031,618,649</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	471,512,730,000	325,680,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	191,808,000,000	92,448,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	(7,182,457,244)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	219,248,527,717	196,903,618,649
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,509,101,113,245</b>	<b>1,218,863,795,835</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		1,976,945.91	3,138,850.66
Euro (EUR)		413.51	420.74
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2010

Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
QUÝ III/2010

<b>SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN</b>	
TP. HỒ CHÍ MINH	
Số: 34001	CHỈ TIÊU
ĐẾN	Giới hạn: Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Thuyết minh	QUÝ III Năm 2010	Năm 2009	Đơn vị tính: VND	
				LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM Năm 2010	Năm 2009
01	VL.1	690,658,575,908	639,067,006,719	2,038,397,996,937	1,818,143,522,171
02	VL.1	10,397,322,588	4,099,043,038	11,328,734,801	13,650,576,042
10	VL.1	680,261,253,320	634,967,963,681	2,027,069,262,136	1,804,492,946,129
11	VL.2	548,394,397,201	547,961,366,324	1,677,441,022,506	1,525,464,470,961
20		131,866,856,119	87,006,597,357	349,628,239,630	279,028,475,168
21	VL.3	13,909,156,711	17,222,613,406	41,899,678,555	46,572,035,465
22	VL.4	10,485,750,308	25,139,871,363	33,951,228,863	78,996,452,852
23		5,885,426,249	5,114,352,815	17,457,759,377	29,390,708,834
24	VL.5	61,676,219,373	42,409,330,224	155,317,734,046	114,048,722,410
25	VL.6	4,710,146,196	6,465,636,276	18,492,812,099	16,193,629,604
30		68,903,896,953	30,214,372,900	183,766,143,177	116,361,705,767
31	VL.7	846,046,322	19,753,810	1,422,197,518	147,656,268
32	VL.8	11,477,546	2,174,839	80,933,190	3,713,558,089
40		834,568,776	17,578,971	1,341,264,328	(3,565,901,821)
50		69,738,465,729	30,231,951,871	185,107,407,505	112,795,803,946
51	V.18	11,545,416,488	4,097,809,206	30,587,664,154	15,791,412,552
52		-	-	-	-
60		58,193,049,241	26,134,442,065	154,519,743,351	97,004,391,394
70	VL.9	-	-	-	-



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2010

Phạm Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01			185,107,407,505
2. Điều chỉnh cho các khoản:				-
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12		37,802,272,985
- Các khoản dự phòng	03	V.7		2,026,384,651
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4		6,199,696,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8		(9,309,373,781)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4		17,457,759,377
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08			239,284,146,737
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09			(97,154,723,973)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			(73,558,877,226)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11			163,619,790,047
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			(5,270,540,043)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4		(17,741,478,624)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20		(22,584,356,714)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.24		577,291,050
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.24		(4,683,987,001)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>			<b>182,487,264,253</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13		(59,275,912,015)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2		(165,318,696,835)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2		89,669,791,091
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3		9,309,373,781
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>			<b>(125,615,443,978)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27		126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17,V.25		296,267,485,611
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17,V.25		(454,714,926,061)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27		(25,850,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			<b>(31,513,290,450)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>			<b>25,358,529,825</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>		<b>128,714,275,030</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			(1,103,135,817)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>		<b>152,969,669,038</b>



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2010



Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn tính khấu hao theo thời gian giao đất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 – 5 năm.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **12. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

30/09/2010 : 18.932 VND/USD

### 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.195.398.210	1.883.160.248
Tiền gửi ngân hàng	40.487.898.606	126.831.114.782
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	110.286.372.222	-
<b>Cộng</b>	<b><u>152.969.669.038</u></b>	<b><u>128.714.275.030</u></b>

<sup>(\*)</sup> Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 vay	44.455.000.000	26.700.000.000
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	11.330.208.909	12.500.000.000
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	59.063.696.835	-
<b>Cộng</b>	<b><u>114.848.905.744</u></b>	<b><u>39.200.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>3. Phải thu khách hàng</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Khách hàng trong nước	25.065.613.890	8.732.417.595
Các Khách hàng nước ngoài	380.641.367.981	295.707.889.556
<b>Cộng</b>	<b><u>405.706.981.871</u></b>	<b><u>304.440.307.151</u></b>
<b>4. Trả trước cho người bán</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Nhà cung cấp trong nước	5.058.048.319	32.138.989.718
Các Nhà cung cấp nước ngoài	155.394.397	5.709.044.377
<b>Cộng</b>	<b><u>5.213.442.716</u></b>	<b><u>37.848.034.095</u></b>
<b>5. Các khoản phải thu khác</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 – thu hộ tiền hàng	9.938.066.403	2.827.175.256
Phải thu khác	195.229.491	1.096.768.193
<b>Cộng</b>	<b><u>10.133.295.894</u></b>	<b><u>3.923.943.449</u></b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	53.075.810.654	15.659.170.057
Công cụ, dụng cụ	2.192.891.865	1.895.684.611
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	174.578.505.321	118.544.963.947
Thành phẩm	118.818.615.764	139.007.843.625
Hàng hóa	4.493.531	3.777.669
Hàng gửi đi bán	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>348.670.317.135</u></b>	<b><u>275.111.439.909</u></b>
<b>7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>		
<i>Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:</i>		
Số đầu năm	20.821.867.416	
Tăng trong năm	2.026.384.651	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>22.848.252.067</u></b>	
<b>8. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<u>Công cụ, dụng cụ</u>	
Số đầu năm	195.920.040	
Tăng trong kỳ	1.602.619.082	
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(753.475.571)	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.045.063.551</u></b>	
<b>9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.817.872
Thuế xuất, nhập khẩu	530.658.754	1.496.022.607

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b>530.658.754</b>	<b>1.535.840.479</b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	134.754.727.572	274.910.684.753	5.007.619.767	853.725.470	415.526.757.562
Mua sắm mới	1.100.000.000	2.971.910.900	-	-	4.071.910.900
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	21.739.313.962	26.798.757.728	-	-	48.538.071.690
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>157.594.041.534</b>	<b>304.681.353.381</b>	<b>5.007.619.767</b>	<b>853.725.470</b>	<b>468.136.740.152</b>
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	13.767.045.947	86.559.743.756	2.071.341.836	466.823.759	102.864.955.298
Khấu hao trong kỳ	7.259.609.305	29.582.880.064	605.271.645	135.077.994	37.582.839.008
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.026.655.252</b>	<b>116.142.623.820</b>	<b>2.676.613.481</b>	<b>601.901.753</b>	<b>140.447.794.306</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	120.987.681.625	188.350.940.997	2.936.277.931	386.901.711	312.661.802.264
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>136.567.386.282</b>	<b>188.538.729.561</b>	<b>2.331.006.286</b>	<b>251.823.717</b>	<b>327.688.945.846</b>
<i>Trong đó:</i> Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 194.545.049.624 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	24.590.811.450	540.229.790	25.131.041.240
Mua trong kỳ	13.645.050.300	-	13.645.050.300
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>38.235.861.750</b>	<b>540.229.790</b>	<b>38.776.091.540</b>

*Trong đó:*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	297.263.139	330.466.682	627.729.821
Khấu hao trong kỳ	157.374.603	62.059.374	627.729.821
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>454.637.742</b>	<b>392.526.056</b>	<b>847.163.798</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	24.293.548.311	209.763.108	24.503.311.419
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>37.781.224.008</b>	<b>147.703.734</b>	<b>37.928.927.742</b>

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá là 14.067.767.850 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công trình nhà xưởng số 1	14.065.351.190	43.080.012.103	(43.416.732.874)	13.728.630.419
Công trình nhà xưởng số 2	0	199.889.060	0	199.889.060
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	0	0	1.920.571.250
Xây dựng trạm xá	0	129.531.953	0	129.531.953
Chi phí đào nuôi cá	992.567.852	9.455.309.377	(5.121.338.816)	5.326.538.413
<b>Cộng</b>	<b>16.978.490.292</b>	<b>52.864.742.493</b>	<b>(48.538.071.690)</b>	<b>21.305.161.095</b>

**14. Đầu tư vào công ty con**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 <sup>(a)</sup>	5.200.300	52.003.709.506	5.200.300	52.003.709.506
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) <sup>(b)</sup>	-	8.651.533.184	-	8.651.533.184
<b>Cộng</b>		<b>60.655.242.690</b>		<b>60.655.242.690</b>

<sup>(a)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 52.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 52.003.709.506 VND, tương đương 69,8% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

<sup>(c)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

2009 do Bang California, Hoa kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 499.912 USD, tương đương 100% vốn điều lệ.

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

Số đầu năm	17.371.534.747
Phát sinh trong năm	8.962.391.853
Kết chuyển trong năm	(4.540.995.321)
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.792.931.279</b>

Một số công cụ dụng cụ có nguyên giá 2.836.802.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**16. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng	147.300.000.000	276.252.854.450
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.25)	-	30.233.324.000
<b>Cộng</b>	<b>147.300.000.000</b>	<b>306.486.178.450</b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	276.252.854.450	295.528.747.611	(424.481.602.061)	147.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	30.233.324.000	0	(30.233.324.000)	0
<b>Cộng</b>	<b>306.486.178.450</b>	<b>295.528.747.611</b>	<b>(454.714.926.061)</b>	<b>147.300.000.000</b>

**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Nhà cung cấp trong nước	148.324.783.107	102.545.895.714
Các Nhà cung cấp nước ngoài	1.226.125.232	998.763.450
<b>Cộng</b>	<b>149.550.908.339</b>	<b>103.544.659.164</b>

**19. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Khách hàng trong nước	812.238.340	1.020.027.068
Các Khách hàng ngoài nước	8.014.737.249	175.314.446
<b>Cộng</b>	<b>8.826.975.589</b>	<b>1.195.341.514</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(39.817.872)	9.095.724.394	(9.055.906.522)	-
Thuế xuất, nhập khẩu(*)	(1.496.022.607)	1.295.392.089	(330.028.236)	(530.658.754)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.921.511.114	30.587.664.154	(24.168.286.876)	20.340.888.392
Thuế thu nhập cá nhân	76.669.450	535.252.693	(438.681.680)	173.240.463
Tiền thuê đất		393.934.289	(393.934.289)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>12.462.340.085</b>	<b>41.910.967.619</b>	<b>(34.389.837.603)</b>	<b>19.983.470.101</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.9).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.13

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**21. Phải trả người lao động**

Lương tháng 9 và khoản lương trích lương tháng 13 phải trả công nhân viên.

**22. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	283.719.247
Chi phí khác	1.105.880.043	394.249.862
<b>Cộng</b>	<b>1.105.880.043</b>	<b>677.969.109</b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.659.250.898	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	261.526.661	577.514.590
Bảo hiểm thất nghiệp	1.856.355	-
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Phải trả tiền hàng xuất khẩu Ủy Thác	105.192.598.399	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.192.575.241	2.293.093.013

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		
<b>Cộng</b>	<b>109.353.207.554</b>		<b>4.137.963.977</b>		
<b>24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>					
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong kỳ</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	7.215.500.614	11.661.453.175	850.000	(2.570.950.000)	16.306.853.789
Quỹ phúc lợi	1.465.321.734	3.864.581.270	576.441.050	(2.113.037.001)	3.793.307.053
<b>Cộng</b>	<b>8.680.822.348</b>	<b>15.526.034.445</b>	<b>577.291.050</b>	<b>(4.683.987.001)</b>	<b>20.100.160.842</b>

**25. Vay và nợ dài hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng lãi suất Sibor 6 tháng + lãi suất biên USD cho khoản vay bằng USD và lãi suất cho vay dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3 và phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất của khu đất 21.581,2 m<sup>2</sup> xây dựng nhà máy và khu đất 8.790m<sup>2</sup>.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	127.132.992.000
Trên 5 năm	23.627.560.693
<b>Tổng nợ</b>	<b>150.760.552.693</b>

**Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:**

Số đầu năm	143.822.118.693
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	738.738.000
Chênh lệch tỷ giá	6.199.696.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>150.760.552.693</b>

**26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Số đầu năm	1.028.473.680
Số trích lập trong kỳ	832.587.965
Số chi trong kỳ	(188.738.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.672.323.645</b>

**27. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hoái đổi</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	-	-	102.360.211.761	402.360.211.761
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	152.404.167.606	152.404.167.606
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(7.492.895.079)	(7.492.895.079)
Phát hành cổ phiếu	25.680.000.000	92.448.000.000	-	-	118.128.000.000
Chi cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	-	(84.750.000)	(84.750.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hoái đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước	-	-	-	(5.283.115.639)	(5.283.115.639)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>325.680.000.000</b>	<b>92.448.000.000</b>	<b>-</b>	<b>196.903.618.649</b>	<b>615.031.618.649</b>
Số dư đầu năm nay	325.680.000.000	92.448.000.000	-	196.903.618.649	615.031.618.649
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	154.519.743.351	154.519.743.351
Giảm thuế TNDN phải nộp năm trước	-	-	-	1.583.930.162	1.583.930.162
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên	9.422.100.000	-	-	(9.422.100.000)	-
Phát hành cổ phiếu	136.410.630.000	99.360.000.000	-	(108.810.630.000)	126.960.000.000
Các khoản khác	-	-	(7.182.457.244)	-	(7.182.457.244)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>471.512.730.000</b>	<b>191.808.000.000</b>	<b>(7.182.457.244)</b>	<b>219.248.527.717</b>	<b>875.386.800.473</b>

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	25.850.000
Tạm ứng cổ tức	-
<b>Cộng</b>	<b>25.850.000</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		39.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>
Tổng doanh thu	<b>2.038.397.996.937</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	402.453.032.406
- Doanh thu bán thành phẩm	1.371.816.881.019
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	3.601.222.003
- Doanh thu bán phụ phẩm	248.291.532.291
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.235.329.218
Các khoản giảm trừ doanh thu:	<b>11.328.734.801</b>
- Giảm giá hàng bán	10.740.965.768
- Hàng bán bị trả lại	587.769.033
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>2.027.069.262.136</u></b>
Trong đó:	
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	399.913.566.963
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.363.027.611.661
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	3.601.222.003
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	248.291.532.291
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	12.235.329.218
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	
	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<u>Năm nay</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	368.227.418.089
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.069.506.930.140
Giá vốn của nguyên vật liệu đã cung cấp	3.744.243.567
Giá vốn phế phẩm	233.936.046.059
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.026.384.651
<b>Cộng</b>	<b><u>1.677.441.022.506</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	
	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<u>Năm nay</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.847.962.768
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	333.510.182
Lãi tiền cho vay	4.610.618.226
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	2.714.201.182
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.393.386.197
<b>Cộng</b>	<b><u>41.899.678.555</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	
	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<u>Năm nay</u>
Chi phí lãi vay	17.457.759.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.199.696.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.293.773.486

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	<u>Năm nay</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>33.951.228.863</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b><u>Năm nay</u></b>
Chi phí nhân viên	3.268.788.077
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	50.720.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.235.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.043.432.023
Chi phí khác	43.919.557.289
<b>Cộng</b>	<b><u>155.317.734.046</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b><u>Năm nay</u></b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.978.731.771
Chi phí đồ dùng văn phòng	541.367.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.218.874.570
Thuế, phí và lệ phí	679.520.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	868.988.835
Chi phí khác	9.205.328.966
<b>Cộng</b>	<b><u>18.492.812.099</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b><u>Năm nay</u></b>
Thu nhập khác ( tiền chiết khấu, ...)	1.422.197.518
<b>Cộng</b>	<b><u>1.422.197.518</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>
	<b><u>Năm nay</u></b>
Chi phí khác	80.933.190
<b>Cộng</b>	<b><u>80.933.190</u></b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	
Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.	

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

*Các giao dịch không bằng tiền*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty có các giao dịch không bằng tiền như sau:

Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 118.232.730.000 VND.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay
<i>Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</i>	
Bán hàng hóa	303.170.009
Mua nguyên liệu	16.057.677.950
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Bán hàng hóa	410.623.078
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ	12.933.191.700

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.300.007.766	1.473.813.981
Các cá nhân có liên quan	846.331.500	258.842.500
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>2.146.339.266</u></b>	<b><u>1.732.656.481</u></b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
	<u>Năm nay</u>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>	
Mua hàng hóa, dịch vụ	556.209.703.819
Cho vay ngắn hạn	104.255.000.000
Thu lãi cho vay ngắn hạn	3.266.267.791
Bán hàng hóa, dịch vụ	109.340.900.495
Bán phụ phẩm	29.394.418.000
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>	
Bán thành phẩm, hàng hóa	633.482.697.119
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>	
Mua hàng hóa, dịch vụ, nhân UT XK	346.954.468.376
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	25.253.496.781

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này****Năm nay**

<i>Cty TNHH MTV CB TS XK Vạn Đức TG</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ, nhân UT XK		33.049.701.418
Bán nguyên liệu, thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ		3.077.239.392

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Phải thu tiền cho vay ngắn hạn	44.455.000.000	26.700.000.000
Phí nhập khẩu ủy thác		2.069.719.970
Ứng trước tiền hàng		21.936.004.670
Phải thu tiền thu hộ	9.938.066.403	2.827.175.256
<i>Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Phải thu tiền hàng	269.874.513.477	153.669.204.974
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải thu tiền hàng	9.772.820.840	-
<i>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải thu tiền hàng	2.270.633.647	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>336.311.034.367</u></b>	<b><u>207.202.104.870</u></b>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	62.329.873.524	-
Phải trả tiền thu hộ thức ăn viên	839.930.208	181.872.513
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	76.437.799.680	22.811.800.508
<i>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	28.754.798.719	1.281.184.200
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>168.362.402.131</u></b>	<b><u>24.274.857.221</u></b>

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 11 năm 2010



Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng




Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc